

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 199/2025/HSST
Ngày: 18/12/2025

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hiền Long

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Hoàng Tú
- Ông Lê Văn Hương

Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Quốc Khánh – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Thi - Kiểm sát viên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy A - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18/12/2025 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 0196/2025/TLST-HS-KV5 ngày 07/11/2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 212/2025/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 12 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Đình Bảo L**, giới tính nam; Sinh năm 1975 tại tỉnh Long An; Nơi đăng ký thường trú: Số nhà A, Ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Long An (nay là xã M, tỉnh Tây Ninh); Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 6/12; Nghề nghiệp: lao động tự do; Cha: Nguyễn Đình T (đã chết); Mẹ: Nguyễn Thị Kim H (đã chết); Vợ, con: chưa có.

- Tiền án:

Ngày 17/10/1995, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 21 tháng tù, về tội “Gây rối trật tự công cộng” và “Cướp giật tài sản của công dân”, bản án số 1459/HSST, chấp hành xong án phạt tù ngày 24/11/1995.

Ngày 11/7/1997, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm 06 tháng tù, về tội “Cướp giật tài sản”, bản án số 1164/HSST, chấp hành xong án phạt tù ngày 27/3/2000.

Ngày 16/7/2002, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 04 năm tù, về tội “Cướp giật tài sản”, bản án số 897/HSST, chấp hành xong án phạt tù ngày 10/02/2006.

Ngày 24/10/2006, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 05 năm tù, về tội “Cướp giật tài sản”, bản án số 1548/HSST, chấp hành xong án phạt tù ngày 21/4/2011.

Ngày 29/5/2012, Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 05 năm 06 tháng tù, về tội “Cướp giật tài sản”, bản án số 110/HSST, chấp hành xong án phạt tù ngày 01/01/2017.

Ngày 10/5/2018, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 06 năm tù, về tội “Cướp giật tài sản”, bản án số 152/HSST, chấp hành xong án phạt tù ngày 29/3/2023 và đã nộp án phí hình sự sơ thẩm.

Nhân thân:

Ngày 02/11/1991, Công an Q bắt về hành vi “Cướp giật tài sản”. Ngày 12/11/1991, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q ra Quyết định hủy bỏ biện pháp ngăn chặn.

Ngày 25/12/1992, Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 06 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản của công dân”, bản án số 309/HSST, chấp hành xong án phạt tù và nộp án phí hình sự sơ thẩm.

Ngày 23/02/1996, Công an Q1 bắt về hành vi “Cướp giật tài sản”. Ngày 09/8/1996, Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 ra Quyết định đình chỉ điều tra bị can

- Tiền sự: Không.

Tạm giam từ ngày 10/04/2024

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Đặng Thị Ngọc T1**, giới tính nữ; Sinh năm 1991 tại tỉnh Bình Thuận; Nơi đăng ký thường trú: Khu phố C, thị trấn V, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận (nay là xã Đ, tỉnh Lâm Đồng); Chỗ ở: 1 N, Phường B, quận B (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không;

Trình độ học vấn: 8/12; Nghề nghiệp: Không; Cha: Đặng Văn T2; Mẹ: Bùi Thị Hồng L1.

Tiền án, tiền sự: Không

Tạm giam ngày: 09/04/2024

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **Trần Huỳnh Duy Đ**, giới tính nam; Sinh năm 1992 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi đăng ký thường trú: Số A đường N, Phường B, quận B (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Bảo vệ; Cha: Không rõ; Mẹ: Huỳnh Ngọc L2.

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Nhân thân:

Ngày 12/3/2010, Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm 06 tháng tù, về tội “Cướp giật tài sản”, bản án số 53/2010/HSST, chấp hành xong án phạt tù ngày 24/01/2011, đã nộp án phí hình sự sơ thẩm.

+ Ngày 08/9/2011, Tòa án nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm 06 tháng tù, về tội “Cướp giật tài sản”, bản án số 126/2011/HSST, chấp hành xong án phạt tù ngày 24/4/2013, đã nộp án phí hình sự sơ thẩm

Ngày 20/8/2014, Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh xử phạt 05 năm 06 tháng tù, về tội “Cướp giật tài sản”, bản án số: 169/2014/HSST, chấp hành xong án phạt tù ngày 13/01/2019, đã nộp án phí hình sự sơ thẩm.

Tạm giam ngày 05/04/2024

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: **Phan Ngọc L3**, giới tính nam; Sinh năm 1981 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi đăng ký thường trú: Số A đường số D, cư xá Đ, Phường D, Quận C (nay là phường X), Thành phố Hồ Chí Minh; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Cha: Phan Văn N (chết), Mẹ: Nguyễn Thị Bích T3.

Tiền án, tiền sự: không

Tạm giam ngày: 11/06/2025

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

5. Họ và tên: **Lê Quang T4**, giới tính nam; Sinh năm 1989 tại Đồng Nai; Nơi đăng ký thường trú: Tổ A, ấp B, xã L, huyện N (nay là xã N), tỉnh Đồng Nai; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 7/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Cha: Lê Văn S (đã chết); Mẹ: Nguyễn Thị S1.

Tiền án, tiền sự: Không

Tạm giam từ ngày 11/06/2025

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

6. Họ và tên: **Bùi Văn T5**, giới tính nam; Sinh năm 1985 tại Lâm Đồng; Nơi đăng ký thường trú: G12/12 ấp G, xã L, huyện B (nay là xã B), Thành phố Hồ Chí Minh; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 8/12; Nghề nghiệp: Không; Cha: Bùi Văn T6; Mẹ: Trương Thị Kim T7.

- Tiền án: Ngày 11/01/2017, Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 08 năm tù, về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, bản án số 08/2017/HSST, chấp hành xong án phạt tù ngày 01/9/2021, đã nộp án phí hình sự sơ thẩm.

- Tiền sự: Không.

- Nhân thân:

Ngày 18/8/2004, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù, về tội “Cướp giật tài sản”, bản án số 1385/HSST, chấp hành xong án phạt tù ngày 28/4/2006 và đã nộp án phí hình sự sơ thẩm.

Ngày 11/4/2007, Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 04 năm tù, về tội “Cướp giật tài sản”, bản án số 64/2007/HSST, chấp hành xong án phạt tù ngày 17/9/2009 và đã nộp án phí hình sự sơ thẩm.

+ Ngày 16/9/2013, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B ra Quyết định Áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh P. Đến ngày 10/12/2024, ra Quyết định chuyển về học nghề tại Trung tâm G, chấp hành xong ngày 25/5/2015.

Ngày 29/11/2024, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 09 năm tù, về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” (Bản án số 79/2025/HS-PT), hiện đang chấp hành án phạt tù.

Tạm giam từ ngày 09/5/2025.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đình Bảo L:

Bà Đào Thị Mỹ T8, Công ty L4, Đoàn luật sư Thành phố H (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Bà Huỳnh Ngọc T9

Hộ khẩu thường trú: Tổ C, Ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long (nay là Xã T, tỉnh Vĩnh Long) (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lúc 19 giờ ngày 05/4/2024, tại đầu hẻm S đường N, Phường B, quận B (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh, Tổ công tác Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội Công an quận B, phát hiện Trần Huỳnh Duy Đ điều khiển xe mô tô hiệu Honda Vario biển số 64K1-36340, có biểu hiện nghi vấn, nên tiến hành kiểm tra, phát hiện và thu giữ 01 gói nylon có tinh thể không màu là ma túy ở thể rắn, khối lượng 0,0937 gam Methamphetamine. Đ khai nhận ma túy mua của Đặng Thị Ngọc T1 để bán kiếm lời, nên đã lập Biên bản vụ việc, thu giữ vật chứng là các chất ma túy, để điều tra.

Ngày 05/4/2024, Cơ quan điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Trần Huỳnh Duy Đ tại nhà số A đường N, Phường B, quận B (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh thu giữ 01 gói nylon có chất bột màu trắng là ma túy ở thể rắn, khối lượng 0,3010 gam Ketamine; khám xét khẩn cấp chỗ ở của Đặng Thị Ngọc T1 tại nhà số A đường N, Phường B, quận B (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh, thời điểm khám xét có mặt Phan Ngọc L3 và Lê Quang T4, kết quả khám xét thu giữ 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy, 01 cân điện tử và 33 gói nylon rỗng.

Kết quả điều tra ban đầu xác định Đặng Thị Ngọc T1 mua ma túy của Nguyễn Đình Bảo L để bán kiếm lời. Do đó, lúc 20 giờ 50 phút ngày 06/4/2024, tại trước nhà số H đường T, phường N, Quận A (nay là phường C), Thành phố Hồ Chí Minh, Cơ quan điều tra phát hiện Nguyễn Đình Bảo L đang đi với Bùi Văn T5, nên tiến hành kiểm tra, thu giữ của L 02 gói nylon có tinh thể không màu là ma túy ở thể rắn, khối lượng 34,5649 gam Methamphetamine; ngày 08/4/2024, khám xét khẩn cấp chỗ ở của L tại số A đường A, Phường C, Quận H (nay là phường C), Thành phố Hồ Chí Minh thu giữ 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy

Vật chứng là ma túy thu giữ đã được Phòng K Công an Thành Phố H giám định và xác định khối lượng, chủng loại ma túy như đã nêu trên, tại các bản Kết luận giám định số 3973/KL-KTHS ngày 28/3/2025, 4457/KL-KTHS và 4458/KL-KTHS cùng ngày 15/4/2024.

* Hành vi “Mua bán trái phép chất ma túy” do Nguyễn Đình Bảo L, Đặng Thị Ngọc T1 và Trần Huỳnh Duy Đ thực hiện:

- Nguyễn Đình Bảo L bắt đầu bán ma túy từ tháng 3/2024. Nguồn ma túy để bán L mua của người tên Đ với giá 6.000.000 đồng, loại Methamphetamine và của người phụ nữ (không rõ lai lịch) với giá 3.000.000 đồng, loại M (không xác định được khối lượng, thời gian, địa điểm), L trực tiếp nhận ma túy và thanh toán bằng tiền mặt. Sau khi nhận được ma túy, L chia lẻ để bán kiếm lời. Cụ thể, ngày 04/4/2024, bán cho Đặng Thị Ngọc T1 01 gói Methamphetamine, giá 1.700.000 đồng (không xác định được khối lượng); ngày 06/4/2024, bán cho Bùi Văn T5 2,5 gam Methamphetamine, giá 2.000.000 đồng. Cùng ngày 06/4/2024, L đang đi giao ma túy cho T5 thì bị Cơ quan Công an kiểm tra, phát hiện và thu giữ ma túy như trên.

- Đặng Thị Ngọc T1 biết Nguyễn Đình Bảo L bán ma túy nên đã đặt mua để bán kiếm lời, T1 liên lạc với L qua số điện thoại 0979187369 để đặt ma túy và thanh toán qua số tài khoản 990958888 tại Ngân hàng A1 theo chỉ định của L. T1 đã mua ma túy của L 03 đến 04 lần (không xác định được khối lượng và thời gian) để bán lại kiếm lời. Trong đó, lần gần nhất là ngày 04/4/2024, Trần Huỳnh Duy Đ nhờ T1 mua 01 gói Methamphetamine, giá 1.700.000 đồng nên T1 liên lạc đặt mua ma túy thì được L hẹn đến trước nhà số A đường A, Phường C, Quận H (nay là phường C), Thành phố Hồ Chí Minh để nhận ma túy, trả tiền bằng hình thức chuyển khoản. T1 đến điểm hẹn gặp L lấy 01 gói ma túy, giao lại cho Đ thì được Đ cho lại một phần ma túy để trả công. Sau khi nhận được ma túy, Đ phân lẻ bán cho nhiều người (không rõ lai lịch) để kiếm lời. Trong đó, ⁽¹⁾ Đ bán cho Đặng Thị Ngọc T1 03 lần, giá 500.000 đồng đến 1.700.000 đồng, ma túy loại Methamphetamine không xác định được thời gian, khối lượng và lần cuối cùng là ngày 05/4/2024, bán cho T1 300.000 đồng ma túy loại Methamphetamine (không xác định được khối lượng); ⁽²⁾ Đ bán cho T10 (không rõ lai lịch) 02 đến 03 lần, mỗi lần 300.000 đồng, ma túy loại Methamphetamine (không xác định được thời gian, khối lượng); ⁽³⁾ Đ bán cho Đ1 (không rõ lai lịch) 04 đến 05 lần, mỗi lần 200.000 đến 300.000 đồng và lần cuối cùng là ngày 05/4/2024, khi Đ đi giao ma túy cho Đ1 tại đầu hẻm S đường N, Phường B, quận B (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh, thì bị Cơ quan Công an kiểm tra, phát hiện thu giữ như trên. Đối với số ma túy Ketamine bị thu giữ khi khám xét tại nơi ở của Đ là của người bạn (không rõ lai lịch) cho Đ cất giấu để bán.

* Hành vi “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” do Đặng Thị Ngọc T1, Phan Ngọc L3 và Lê Quang T4 thực hiện:

Ngày 04/4/2024, khi được Trần Huỳnh Duy Đ cho một phần ma túy loại Methamphetamine để trả công, T1 đưa về phòng trọ số 3 nhà số A đường N, Phường B, quận B (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh, rồi rủ Phan Ngọc L3 và Lê Quang T4 đến sử dụng ma túy (T1 không thu tiền L3 và T4 lần sử dụng này). Trước khi sử dụng ma túy ngày 04/04/2025, T1 nói với T4 và L3 mỗi người góp cho T1 150.000 đồng để mua ma túy cho ngày hôm sau sử dụng tiếp thì L3 và T4 đồng ý. Sau đó, T1 để ma túy vào bình đã chuẩn bị sẵn, rồi dùng quẹt ga hơi nóng để cả ba người cùng sử dụng. Đến ngày 05/4/2024, T1 tiếp tục liên lạc với Đ mua 300.000 đồng (gồm tiền của L3 và T4 đóng góp), ma túy loại Methamphetamine (không xác định được khối lượng), rồi rủ L3 và T4 đến cùng sử dụng. Khi đang sử dụng ma túy thì bị Cơ quan C phát hiện như trên.

* Hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy” do Bùi Văn T5 thực hiện:

Bùi Văn T5 biết Nguyễn Đình Bảo L bán ma túy, nên nhiều lần đặt mua về sử dụng. Trong đó, lần cuối vào khoảng 20 giờ ngày 06/4/2024, T5 đặt mua 2,5 gam Methamphetamine, giá 2.000.000 đồng. L và T5 thống nhất giao ma túy tại quán nước số H đường T, phường N, Quận A (nay là phường C), Thành phố Hồ Chí Minh, T5 đã chuyển khoản cho L tiền mua ma túy. Khi L đi giao ma túy cho T5, thì bị Cơ quan Công an kiểm tra, phát hiện thu giữ như trên.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, Nguyễn Đình Bảo L, Đặng Thị Ngọc T1, Trần Huỳnh Duy Đ, Lê Quang T4, Phan Ngọc L3 và Bùi Văn T5 khai nhận hành vi như trên, phù hợp các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại cáo trạng số 71/CT- VKSTPHCM – P1 ngày 31/10/2025 Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố các bị cáo:

Nguyễn Đình Bảo L về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, quy định tại điểm b khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Đặng Thị Ngọc T1 về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 và các điểm a, b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Trần Huỳnh Duy Đ về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Phan Ngọc L3 và Lê Quang T4 về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Bùi Văn T5 về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 - Thành phố Hồ Chí Minh công bố bản luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo đúng theo nội dung bản cáo trạng. Sau khi phân tích tính chất và hậu quả của vụ án đối với xã hội, sau khi nêu lên những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tiền án và nhân thân của các bị cáo đã đề nghị:

1. Áp dụng điểm b khoản 3, khoản 5 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Đình Bảo L** từ 16 (mười sáu) năm đến 17 (mười bảy) năm tù về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Phạt bổ sung bị cáo 15.000.000 đồng.

2. Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 5 Điều 251; điểm a, b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 17, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo **Đặng Thị Ngọc T1** từ 07 (bảy) năm đến 08 (tám) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và từ 08 (tám) năm đến 09 (chín) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Tổng hợp hình phạt là từ 15 (mười lăm) năm đến 17 (mười bảy) năm tù.

Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000 đồng.

3. Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 5 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo **Trần Huỳnh Duy Đại T11** 07 (bảy) năm đến 08 (tám) năm tù về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Phạt bổ sung bị cáo 5.000.000 đồng.

4. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo **Phan Ngọc L3** từ 07 (bảy) năm đến 08 (tám) năm tù về tội: “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

5. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo **Lê Quang T4** từ 07 (bảy) năm đến 08 (tám) năm tù về tội: “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

6. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 15, Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo **Bùi Văn T5** từ 03 (ba) năm đến 04 (bốn) năm tù về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Tổng hợp với hình phạt 9 năm tù của Bản án số 79/2025/HS-PT ngày 29/11/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt từ 12 (mười hai) năm đến 13 (mười ba) năm tù.

Buộc bị cáo Nguyễn Đình Bảo L nộp lại 270.000 đồng, bị cáo Đ nộp lại 800.000 đồng tiền thu lợi bất chính để sung quỹ nhà nước.

Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp khác: đề nghị Hội đồng xét xử xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

Các bị cáo không tranh luận.

Bà Đào Thị Mỹ T8 bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đình Bảo L

Về tội danh: Luật sư thống nhất, không tranh luận, thống nhất với đề nghị của đại diện của Viện kiểm sát áp dụng điểm s, khoản 1, Điều 51 Bộ luật hình sự, tuy nhiên hành vi của bị cáo L mua bán nhỏ lẻ để thỏa mãn cơn nghiện nên vai trò của bị cáo là thứ yếu, đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng điểm t, khoản 1, Điều 51 Bộ luật hình sự là người phạm tội tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm hoặc trong quá trình giải quyết vụ án, trong vụ án này bị cáo đã khai ra hành vi bán ma túy cho bị cáo T1, giúp cơ quan điều tra sớm điều tra làm rõ vụ án, bị cáo đang điều trị bệnh viêm gan c cấp, và mới mổ xương đùi nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt,

giúp bị cáo có cơ hội sớm trở về với gia đình, ổn định cuộc sống và trở thành công dân tốt.

Đại diện Viện kiểm sát tranh luận với luật sư Mỹ T8:

Mức án mà Viện kiểm sát đã đề nghị đối với bị cáo L, Viện kiểm sát đã cân nhắc các tình tiết giảm nhẹ hình phạt mà luật sư nêu lên và đã phù hợp với tính chất, mức độ hành vi của bị cáo, không có căn cứ để áp dụng điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với L do hành vi của bị cáo đã được làm rõ, bị cáo thành khẩn khai báo, Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và mức án đã đề nghị đối với bị cáo L.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo rất hối hận về hành vi của mình, mong Hội đồng xét xử khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thu thập và các bị cáo cung cấp đều thực hiện đúng quy trình, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về những chứng cứ, tài liệu đã thu thập, cung cấp. Do đó những chứng cứ tài liệu trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về trình tự, thủ tục, thẩm quyền quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không khiếu nại về hành vi, quyết định của các Cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng. Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung các bị cáo đều trình bày lời khai hoàn toàn tự nguyện, không bị ép cung, dùng nhục hình. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các Cơ quan tiến hành tố tụng, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[3] Nhận định hành vi và điều khoản xét xử:

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với nội dung kết luận điều tra, cáo trạng, biên bản bắt người phạm tội quá

tang, kết luận giám định, chứng cứ, tài liệu đã thu thập và phản ánh trong hồ sơ của vụ án, được thẩm tra và xác minh tại phiên toà. Hội đồng xét xử xác định:

Nguyễn Đình Bảo L là người nghiện ma túy. Để có tiền tiêu xài và ma túy sử dụng, L đã mua ma túy từ các đối tượng là một phụ nữ và của tên Đ không rõ lai lịch, sau khi mua về L chia nhỏ ma túy ra để bán kiếm lời. Ngày 04/4/2024, L bán cho Đặng Thị Ngọc T1 01 gói Methamphetamine, giá 1.700.000 đồng. Ngày 06/4/2024, L bán cho Bùi Văn T5 2,5 gam Methamphetamine, giá 2.000.000 đồng, khi L đang mang ma túy đi giao cho Bùi Văn T5 tại trước số 87C T thì bị Công an kiểm tra và thu giữ 34,5649 gam Methamphetamine. Như vậy Nguyễn Đình Bảo L phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” đối với khối lượng 34,5649 gam Methamphetamine để bán bị thu giữ khi bắt quả tang vào ngày 06/4/2024. Ngoài ra, L còn phải chịu trách nhiệm hình sự đối với những lần mua bán trái phép chất ma túy trước ngày 06/4/2025.

Trần Huỳnh Duy Đ là đối tượng nghiện ma túy, để có tiền tiêu xài và ma túy để sử dụng, Đ đã nhờ T1 mua ma túy của L với giá 1.700.000 đồng sau đó phân nhỏ bán cho nhiều người để bán lại cho con nghiện trong đó Đ bán cho T1 03 lần, ma túy loại Methamphetamine không xác định được thời gian, khối lượng, lần cuối cùng là ngày 05/4/2024, bán cho T1 300.000 đồng ma túy loại Methamphetamine (không xác định được khối lượng), Đ bán cho T10 (không rõ lai lịch) 02 đến 03 lần, mỗi lần 300.000 đồng, ma túy loại Methamphetamine (không xác định được thời gian, khối lượng); Đ bán cho Đ1 (không rõ lai lịch) 04 đến 05 lần, mỗi lần 200.000 đến 300.000 đồng và lần cuối cùng là ngày 05/4/2024, khi Đ đi giao ma túy cho Đ1 tại đầu hẻm S đường N, Phường B, quận B (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh, thì bị Cơ quan Công an kiểm tra, phát hiện thu giữ như trên. Đối với số ma túy Ketamine bị thu giữ khi khám xét tại nơi ở của Đ là của người bạn (không rõ lai lịch) cho Đ cất giấu để bán nên Đ phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” đối với 0,0937 gam Methamphetamine và 0,3010 gam Ketamine để bán, bị thu giữ khi bắt quả tang và khám xét nơi ở của Đ vào ngày 05/4/2024.

Đặng Thị Ngọc T1 là đối tượng nghiện ma túy. Để có ma túy sử dụng, T1 đã đặt mua ma túy của L 02 đến 03 lần để bán kiếm lời, lần gần nhất ngày 04/4/2023 đặt mua ma túy của L 01 gói Methamphetamine có giá 1.700.000 đồng và giao lại cho Đ theo yêu cầu của Trần Huỳnh Duy Đ, sau đó được Đ cho lại một phần ma túy để sử dụng. Ngoài ra T1 còn cung cấp địa điểm cho L3 và T4 sử dụng ma túy. Ngày 04/4/2024, khi được Trần Huỳnh Duy Đ cho một phần ma túy loại Methamphetamine để trả công, T1 đưa về phòng trọ số 3 nhà số A đường N,

Phường B, quận B (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh, rồi rủ Phan Ngọc L3 và Lê Quang T4 đến sử dụng ma túy. Trước khi sử dụng ma túy, T1, T4 và L3 thống nhất mỗi người trả cho T1 150.000 đồng để mua ma túy cho lần sử dụng sau. Sau đó, T1 để ma túy vào bình đã chuẩn bị sẵn, rồi dùng quạt ga hơi nóng để cả ba người cùng sử dụng. Đến ngày 05/4/2024, T1 tiếp tục liên lạc với Đ mua 300.000 đồng, ma túy loại Methamphetamine (không xác định được khối lượng), rồi rủ L3 và T4 đến cùng sử dụng, khi đang sử dụng ma túy thì bị Cơ quan C phát hiện nên Đặng Thị Ngọc T1 phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” đối với những lần mua ma túy của Nguyễn Đình Bảo L để bán lại cho người khác kiếm lời trước ngày 04/4/2024 và lần mua ma túy loại Methamphetamine của L, đưa lại cho Trần Huỳnh Duy Đại Đ2 được Đ cho lại một phần ma túy để sử dụng và nhiều lần mua của Đ. Ngoài ra, T1 phải chịu trách nhiệm đối với việc “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” cho L3 và T4 tại nhà T1.

Phan Ngọc L3 và Lê Quang T4 là những đối tượng nghiện ma túy. Ngày 04/4/2024, L3 và T4 được T1 rủ qua sử dụng ma túy, trước khi sử dụng ma túy L3 và T4 góp cho T1 mỗi người 150.000 đồng để T1 mua ma túy sử dụng vào lần sau là ngày 05/4/2025 tại phòng trọ số 3 nhà số A đường N là nhà T1, Phan Ngọc L3 và Lê Quang T4 phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” khi góp tiền với T1 để sử dụng ma túy loại Methamphetamine tại chỗ ở của Tuyết ngày 05/04/2025.

Bùi Văn T5 là đối tượng nghiện ma túy, T5 đã nhiều lần mua ma túy của Nguyễn Đình Bảo L để sử dụng. Ngày 06/4/2024, T5 đặt mua 2,5 gam Methamphetamine, giá 2.000.000 đồng để sử dụng, L và T5 thống nhất giao ma túy tại quán nước số H đường T, phường N, Quận A (nay là phường C), Thành phố Hồ Chí Minh, T5 đã chuyển khoản cho L tiền mua ma túy. Khi L đi giao ma túy cho T5, thì bị Cơ quan Công an kiểm tra, phát hiện thu giữ. Bùi Văn T5 phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” đối với 2,5 gam Methamphetamine mua của L ngày 06/4/2024 để sử dụng, do bị cáo đã chuyển tiền cho L nhưng chưa nhận được ma túy nên T5 phạm tội trong trường hợp phạm tội chưa đạt.

Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ được hành vi của mình bị pháp luật nghiêm cấm nhưng do động cơ tư lợi, lối sống buông thả, thiếu ý thức tôn trọng pháp luật nên các bị cáo vẫn cố ý vi phạm. Hành

vì của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy.

Hành vi của bị cáo Đ và T1 là đồng phạm giản đơn trong việc “ Mua bán trái phép chất ma túy”.

Hành vi của Nguyễn Đình Bảo L, Đặng Thị Ngọc T1, Trần Huỳnh Duy Đ, Lê Quang T4, Phan Ngọc L3 và Bùi Văn T5 gây nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quy định của Nhà nước Việt Nam về quản lý các chất ma túy, nên phải xử lý nghiêm để cải tạo, giáo dục riêng và răn đe, phòng ngừa chung.

Đối với những người bán và mua ma túy của L, T1 và Đ do không xác định được lai lịch, nên không có cơ sở xử lý. Đối với các số điện thoại, tài khoản ngân hàng, tài khoản Z, tài khoản Telegram và các tài khoản mạng xã hội khác có liên quan, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã có Yêu cầu các Ngân hàng, Tập đoàn C1, Công ty D, Cục B và Công ty Cổ phần V cung cấp thông tin, dữ liệu để làm rõ, nhưng chưa có kết quả, sẽ xem xét xử lý sau khi có căn cứ.

Từ những nhận định nêu trên, đủ căn cứ kết luận:

Bị cáo Nguyễn Đình Bảo L phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, quy định tại điểm b khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Bị cáo Đặng Thị Ngọc T1 phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 và các điểm a, b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Bị cáo Trần Huỳnh Duy Đ phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Bị cáo Phan Ngọc L3 và bị cáo Lê Quang T4 phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Bị cáo Bùi Văn T5 phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Đối với số tiền thu lợi bất chính do hành vi mua bán trái phép chất ma túy buộc các bị cáo nộp lại sung quỹ nhà nước: Bị cáo L nộp lại 270.000 đồng, bị cáo Đ nộp lại 800.000 đồng.

[4] Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Đình Bảo L phạm tội thuộc trường hợp 02 lần trở lên và phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, quy định tại các điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Bị cáo Bùi Văn T5 tái phạm, quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51, bị cáo L bị bệnh viêm gan c, đang điều trị bệnh nên áp dụng khoản 2, Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Về hình phạt bổ sung:

Phạt bổ sung các bị cáo:

- Nguyễn Đình Bảo L 10.000.000 đồng.
- Đặng Thị Ngọc T1: 5.000.000 đồng
- Trần Huỳnh Duy Đ: 5.000.000 đồng

[5] Về ý kiến bào chữa của luật sư cho bị cáo L:

Đối với ý kiến bào chữa của luật sư Mỹ T8 bào chữa cho bị cáo L đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm t, khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy hành vi của bị cáo đã được cơ quan tố tụng làm rõ, lời khai của bị cáo không phải là căn cứ để cơ quan điều tra làm rõ tội phạm khác, do vậy không có căn cứ để áp dụng điểm t, khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo có 01 tình tiết giảm nhẹ theo khoản 1, Điều 51, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên không có căn cứ để áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự để xử phạt các bị cáo mức án thấp hơn mức thấp nhất của khung hình phạt.

[6] *Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:*

Đối với: 03 (ba) gói được niêm phong ghi vụ 1335/25, 1347/24, 1357/24, 03 (ba) gói niêm phong ghi vụ số 1348/24 bên ngoài có chữ ký cán bộ điều tra Nguyễn Thành T12 và giám định viên Nguyễn Xuân S2(G1,G2,G3) (Mã số: NP4/120BB/2026) là ma túy còn lại sau giám định, 33 (ba mươi ba) túi zip, 05 (năm) bộ dụng cụ sử dụng ma túy là tang vật của vụ án, không còn sử dụng được nên tịch thu tiêu hủy.

- 01 cân điện tử, 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO của Trần Huỳnh Duy Đ sử dụng để bán ma túy, 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone của Đặng Thị Ngọc T1 dùng liên lạc mua bán ma túy và tổ chức sử dụng ma túy, 01 (một)

điện thoại di động hiệu Samsung của Bùi Văn T5 sử dụng để liên lạc mua ma túy, 01 (một) điện thoại di động hiệu Xiaomi của Nguyễn Đình Bảo L sử dụng để liên lạc mua bán ma túy do vậy cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone của Nguyễn Đình Bảo L là tài sản cá nhân của bị cáo dùng để liên lạc gai đình trả lại cho bị cáo.

- Đối với 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Vario màu xanh, biển số 64K1-36340 mà Đại mượn sử dụng của chị T9, chị T9 không biết nên trả lại cho chủ sở hữu là chị Huỳnh Ngọc T9.

[8] *Về án phí*: Các bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Áp dụng điểm b khoản 3, khoản 5 Điều 251, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Đình Bảo L** 17 (mười bảy) năm tù về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”

Thời hạn tù tính từ ngày: 10/4/2024

Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000 đồng.

2/ Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 5 Điều 251; điểm a, b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo **Đặng Thị Ngọc T1** 08 (tám) năm tù về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” và 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù về tội: “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt là 16 (mười sáu) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày: 9/4/2024

Phạt bổ sung bị cáo 5.000.000 đồng.

3/ Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 5 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo **Trần Huỳnh Duy Đ** 08 (tám) năm tù về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Thời hạn tù tính từ ngày: 5/4/2024

Phạt bổ sung bị cáo 5.000.000 đồng.

4/ Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo **Phan Ngọc L3** 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội: “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Thời hạn tù tính từ ngày 11/6/2024

5/ Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo **Lê Quang T4** 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội: “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Thời hạn tù tính từ ngày 11/6/2024

5/ Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 15, Điều 38, Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo **Bùi Văn T5** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Tổng hợp với hình phạt 9 năm tù của bản án số 79/2025/HS-PT ngày 29/11/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 11 (mười một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày: 09/5/2024

6/ Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Buộc các bị cáo nộp lại tiền tiền thu lợi bất chính để sung vào ngân sách nhà nước:

Bị cáo Nguyễn Đình Bảo L nộp lại 270.000 đồng

Bị cáo Trần Huỳnh Duy Đ nộp lại 800.000 đồng

** Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước:*

- 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO, số lượng 01 cái; (không kiểm tra được đời máy, I do không có nguồn điện, không kiểm tra được tình trạng máy móc bên trong) (Mã số DT1/129BB/2026).

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Xiaomi, số lượng 01 cái; (không kiểm tra được đời máy, I do không có nguồn điện, không kiểm tra được tình trạng máy móc bên trong) (Mã số: DT2/129BB/2026).

- 01 (một) điện thoại di động hiệu SAM SUNG, số lượng 01 cái; (không kiểm tra được đời máy, I do không có nguồn điện, không kiểm tra được tình trạng máy móc bên trong) (Mã số: DT3/129BB/2026).

- 01 (một) điện thoại di động hiệu iphone; số lượng 01 cái; (màu đen, màn bể nát, I khay sim: ...136019, không kiểm tra được đời máy, I do không có nguồn điện, không kiểm tra được tình trạng máy móc bên trong) (Mã số: DT4/129BB/2026).

- 01 (một) cân điện tử màu đen trắng; số lượng 01 cái (Mã số: CAN/129BB/2026).

** Tịch thu tiêu hủy:*

- 01 (một) gói giấy được niêm phong ghi vụ 1347/24 bên ngoài có chữ ký của cán bộ điều tra Nguyễn Thành T12 và giám định viên Nguyễn Xuân S2; số lượng 01 cái (Mã số: NP2/129BB/2026).

- 01 (một) gói giấy được niêm phong ghi vụ 1357/24 bên ngoài có chữ ký của cán bộ điều tra Nguyễn Thành T12 và giám định viên Nguyễn Xuân S2; số lượng: 01 cái (Mã số NP1/129BB/2026).

- 03 (ba) gói niêm phong ghi vụ số 1348/24 bên ngoài có chữ ký cán bộ điều tra Nguyễn Thành T12 và giám định viên Nguyễn Xuân S2(G1,G2,G3) (Mã số: NP4/120BB/2026).

- 33 (ba mươi ba) túi zip; số lượng 33 cái - 01 (một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá, số lượng 01 cái - 04 (bốn) bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá, số lượng 04 cái (Mã số: LT/129BB/2026).

- 01 (một) gói giấy được niêm phong ghi vụ 1335/25 bên ngoài có chữ ký của điều tra viên Vũ Đình H1 và giám định viên Phạm Huỳnh Minh T13 bên trong là ma túy còn lại sau giám định, số lượng 01 cái (Mã số: NP3/129BB/2026).

** Trả lại cho bà Huỳnh Ngọc T9:* 01 (chiếc) Xe hai bánh gắn máy; Nhân hiệu: HONDA, Số loại: VARIO 125; Dung tích xi lanh: 125 cm³; BS:64K1-363.40; SK:MH1JM5117LK713459; SM:JM51E1713190 (không gương, dàn nhựa bể, xe cũ rỉ sét, máy móc bên trong không kiểm tra được) (Mã số: XMAY/129BB/2026).

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Đình Bảo L: 01 (một) điện thoại di động hiệu iphone; số lượng 01 cái; (màu vàng, không kiểm tra được đời máy, I do không có nguồn điện, không kiểm tra được tình trạng máy móc bên trong) (Mã số: DT5/129BB/2026)

7/ Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

8/ Căn cứ Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình.

Thời hạn kháng cáo là 15 ngày; đối với các bị cáo có mặt tại phiên tòa tính từ ngày tuyên án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa thì tính từ ngày được giao hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM ;
- VKSND KV5 – TP.HCM;
- Cơ sở giam giữ ;
- Bị cáo ;
- PC10 ;
- PC06 ;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 – TP.HCM;
- Thi hành án hình sự;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu VP - HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hiền Long

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM ;
- VKSND KV5 – TP.HCM;
- Cơ sở giam giữ ;
- Bị cáo ;
- PC10 ;
- PC06 ;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 – TP.HCM;
- Thi hành án hình sự;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu VP - HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hiền Long